

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19/5/2009 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án “Bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh số Văn bản số 432/HĐND ngày 17/10/2013 về việc cho ý kiến về Đề án Bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu theo Nghị quyết số 55/2013/NQ-HĐND,

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 1121/BC-SKHICN ngày 06/11/2013 (kèm theo Văn bản số 2396/STC-HCSN ngày 31/10/2013 của Sở Tài chính),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với nội dung chính sau:

I. QUAN ĐIỂM, ĐỐI TƯỢNG VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Quan điểm:

- Phát triển bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050 tại Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch ngành đã được phê duyệt.

- Bảo quản, chế biến sản phẩm là nội dung quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả của sản xuất, phải được tiến hành đồng bộ, phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất của từng vùng, từng lĩnh vực; trước hết tập trung ưu tiên cho các

vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh, các làng nghề truyền thống, vùng nguyên liệu công nghiệp tập trung (vật liệu xây dựng, khoáng sản) để thực hiện chế biến sản phẩm phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

- Phát triển bảo quản, chế biến sản phẩm gắn với phát triển nguồn nguyên liệu và gắn với thị trường tiêu thụ trong nước, thế giới. Nâng cao vai trò cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, ứng dụng tiến bộ KHCN và quản lý. Quan tâm phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ kinh doanh; chú trọng phát triển và thu hút các doanh nghiệp thương mại lớn có hệ thống phân phối hiện đại, có kinh nghiệm tổ chức bán lẻ, giữ vai trò nòng cốt để định hướng sản xuất và tiêu dùng.

- Việc đầu tư đổi mới công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm do cá nhân, tổ chức thuộc các thành phần kinh tế thực hiện, quản lý, khai thác. Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ bằng cơ chế chính sách phù hợp, dành ưu tiên cao cho đầu tư trang bị máy móc, phát triển kết cấu hạ tầng nhằm phát triển công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực KHCN trên cơ chế phối hợp giữa hỗ trợ hoạt động nhập công nghệ với hỗ trợ một số hoạt động nghiên cứu và phát triển để làm chủ và cải tiến công nghệ nhập, ưu tiên các công nghệ trong bảo quản, chế biến và đảm bảo với bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, công nghệ tiên tiến phù hợp với công nghiệp hóa hiện đại hóa.

- Phát triển bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh được xây dựng với lộ trình cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm tập trung tối đa các nguồn lực để thực hiện một cách có hiệu quả và bền vững.

2. Đối tượng:

- Các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực bảo quản, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu của tỉnh.

- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất và đầu tư xây dựng mới cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chủ yếu thuộc các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn toàn tỉnh.

- Sản phẩm chủ yếu:

+ Nông sản: Lúa, Lạc, Rau, củ, quả các loại.

+ Chăn nuôi: Lợn, Hươu, Bò.

+ Thủy hải sản: Tôm và các loại thủy sản có sản lượng lớn.

+ Lâm nghiệp: Gỗ rừng trồng.

+ Vật liệu xây dựng: Gạch không nung, vật liệu mới, vật liệu thân thiện môi trường và một số sản phẩm khác.

+ Khoáng sản: Titan, Mangan, Sericit.

3. Lộ trình triển khai thực hiện:

- Giai đoạn 2013 - 2020: Tập trung ưu tiên nguồn lực để thực hiện các giải pháp nhằm xây dựng mạng lưới bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm

riêng nghiệp chủ yếu của tỉnh; xem xét hỗ trợ phát triển công nghệ cao, công nghệ tạo sản phẩm mới, nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm; công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng... trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Giai đoạn 2021 - 2030: Tiếp tục hoàn thiện, phát triển bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đồng thời, tùy tình hình cụ thể thực hiện các giải pháp, nguồn lực, chính sách phát triển mạng lưới chế biến và tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp, khoáng sản, vật liệu xây dựng... của tỉnh bằng hình thức hỗ trợ thu hút đầu tư hoặc hợp tác công tư.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung: Đảm bảo tất cả các sản phẩm chủ yếu sản xuất ra đều được áp dụng các công nghệ bảo quản, chế biến theo các hình thức đa dạng từ thấp đến cao nhằm làm giảm tổn thất của quá trình sản xuất, tăng giá trị sản phẩm và thu nhập của người sản xuất, trên cơ sở đó tạo điều kiện và thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, khép kín chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ, làm cho sản xuất phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ bảo quản, chế biến sâu, dây chuyền công nghệ tiên tiến, sản phẩm đầu ra phải gắn với thị trường tiêu thụ, nhất là các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Phát triển sản xuất phù hợp với định hướng quy hoạch; hạn chế tối đa việc tiêu thụ sản phẩm thô chưa qua chế biến, hiệu quả thấp.

2. Mục tiêu đến năm 2020:

- Về bảo quản: 100% sản phẩm nông sản (kể cả giống, thương phẩm) được bảo quản, chế biến ở các cấp độ khác nhau, đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng. Giảm mức tổn thất trong phơi sấy, bảo quản nông sản còn 5%; 100% sản lượng các loại sản phẩm thịt, thủy sản được sơ chế, bảo quản đảm bảo tiêu chuẩn về sinh an toàn thực phẩm. Giảm mức tổn thất sản phẩm sau khai thác từ 25-30% xuống còn 10-15%.

- Về chế biến: Phần đầu 90% sản phẩm sản xuất được ứng dụng công nghệ trong các khâu bảo quản, chế biến đa dạng theo các cấp độ khác nhau; số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ trong chế biến tăng trung bình 15%/năm.

- Về tiêu thụ: Hình thành được mạng lưới tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu của tỉnh đều có mạng lưới tiêu thụ ổn định, hình thức tiêu thụ bằng hợp đồng chiếm từ 45-50% tỷ lệ sản phẩm. Phần đầu 70% các sản phẩm của tỉnh có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định và 30% phục vụ xuất khẩu.

3. Mục tiêu đến năm 2030:

- 100% sản phẩm sản xuất theo quy hoạch tập trung, sản xuất theo công nghệ sạch, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao vào tất cả các khâu từ sản xuất đến chế biến.

- 100% sản phẩm sản xuất ra được ứng dụng công nghệ trong các khâu bảo quản, chế biến đa dạng theo các cấp độ khác nhau; một số sản phẩm chủ lực của tỉnh trở thành thương hiệu mạnh quốc gia; 100% sản phẩm sản xuất ra trên

địa bàn đều có xuất xứ, được bảo hộ kiểu dáng và sở hữu trí tuệ, có chỉ dẫn địa lý và đăng ký quản lý chất lượng.

- Sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong các ngành công nghiệp mũi nhọn, tạo hàng hóa xuất khẩu như khai khoáng, cán thép, luyện kim, chế biến nông - lâm - thủy sản; tốc độ đổi mới công nghệ của các ngành này đạt bình quân 20 - 25%/năm, 100% doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến.

- 100% sản phẩm sản xuất ra trên địa bàn Hà Tĩnh có thị trường tiêu thụ ổn định theo các hợp đồng. Trong đó chú trọng và ưu tiên thị trường xuất khẩu cho một số sản phẩm có thương hiệu mạnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Quy hoạch và tổ chức lại sản xuất theo hướng cơ giới hóa sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu tập trung và phát triển các cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm

a) Xây dựng và quản lý các quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành theo Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050; tập trung phát triển các sản phẩm chủ yếu gắn kết sản xuất với chế biến, xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển sản xuất, đặc biệt tập trung rà soát bổ sung quy hoạch mạng lưới bảo quản, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu theo quy hoạch của tỉnh đáp ứng mục tiêu đã đề ra.

b) Chuyển đổi, tích tụ ruộng đất, tái cơ cấu sản xuất phù hợp quy hoạch và gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm

- Triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 30/5/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015), khuyến khích tích tụ ruộng đất, bố trí lại sản xuất, cải tạo, chỉnh trang đồng ruộng, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với việc phát triển bảo quản chế biến sau thu hoạch.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ (giao thông, thủy lợi, điện...), hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với vùng nguyên liệu; đầu tư đồng bộ hạ tầng cho các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh.

- Đẩy nhanh cơ giới hóa trong các khâu sản xuất để nâng cao năng suất, giảm thiểu tổn thất tài nguyên và ô nhiễm môi trường...

- Cách mạng về giống để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, số lượng lớn và đồng nhất phục vụ công nghiệp bảo quản, chế biến, tiêu thụ.

2. Tập trung đầu tư đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong bảo quản, chế biến, giảm tổn thất, nâng cao chất lượng sản phẩm

a) Bảo quản, chế biến sản phẩm trồng trọt: Chuyển giao dây chuyền thiết bị công nghệ tiên tiến, đồng bộ, gồm máy thu hoạch, thiết bị sấy, bóc tách vỏ,

làm sạch, phân loại, cân định lượng, đóng gói, thiết bị bảo quản cho các hộ dân để phòng chống mối mọt, giảm tổn thất. Xúc tiến đầu tư xây dựng các nhà máy có quy mô lớn và công nghệ hiện đại đối với xay xát lúa, gạo, bảo quản, chế biến sản phẩm từ lạc, rau, củ, quả chất lượng cao; nấm ăn và nấm dược liệu... tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gắn với vùng nguyên liệu.

b) Chế biến các sản phẩm chăn nuôi: Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, xây dựng nhà máy và du nhập các dây chuyền chế biến gia súc, gia cầm (giết mổ và chế biến sâu); tinh chế nhưng hươu để sản xuất các sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao.

c) Bảo quản, chế biến thủy sản: Đổi mới công nghệ trong bảo quản, chế biến các sản phẩm thủy sản. Cải tiến công nghệ bảo quản đông cho những nhóm sản phẩm có giá trị cao, công nghệ bảo quản thủy sản tươi sống bằng phương pháp sục khí oxy và cho ngủ đông...; xúc tiến, đầu tư công nghệ sản xuất đồ hộp phục vụ xuất khẩu.

d) Chế biến gỗ: Chuyển giao, đầu tư và đổi mới về công nghệ, thiết bị hiện đại của các cơ sở chế biến gỗ theo hướng chế biến tinh sâu, phù hợp với Quy hoạch phát triển chế biến lâm sản của tỉnh, tạo ra sản phẩm tiêu dùng và xuất khẩu có giá trị cao, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm từ gỗ trồng như: Ván ép thanh, ván bóc, ván ép, ván sàn, ván ốp tường, bột giấy, đồ gỗ xuất khẩu...

e) Sản xuất vật liệu xây dựng: Đầu tư dây chuyền thiết bị công nghệ mới (công nghệ sản xuất gạch không nung, gạch block thể hệ mới, gạch polimer, công nghệ sản xuất gạch tiên chế, các loại tấm lợp đa năng...), sử dụng xỉ và các phụ phẩm/vật liệu phế thải từ các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh làm nguyên liệu...

g) Chế biến khoáng sản: Cải tiến và hoàn thiện các quy trình công nghệ tuyển nhằm nâng cao mức thực thu các khoáng vật có ích chính, nâng cao hiệu quả tuyển cấp hạt mịn, thu hồi các nguyên tố có ích đi kèm, sử dụng tổng hợp và tiết kiệm tài nguyên. Đầu tư đổi mới công nghệ trong chế biến sâu, chế biến tinh một số khoáng sản chủ yếu titan, mangan, sericit.

3. Tìm kiếm, đẩy mạnh phát triển thị trường

- Thực hiện đồng bộ các mục tiêu, giải pháp Đề án Phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới của tỉnh; lồng ghép các chương trình, dự án để đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng các chợ và trung tâm thương mại. Cùng cố và phát triển tốt các chợ nông thôn, hình thành các chợ đầu mối nhằm khơi thông tốt thị trường. Phát triển mạnh mạng lưới thu mua, phân phối, bán lẻ hàng hóa nông sản thông qua việc xây dựng, mở rộng các chợ đầu mối, các cửa hàng, siêu thị ở những nơi phù hợp.

- Xây dựng thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm chủ yếu của Hà Tĩnh; tập trung xây dựng hệ thống quảng bá riêng đối với các sản phẩm đạt yêu cầu về xuất khẩu nhằm tạo đầu mối đối với các đối tác thị trường trong phát triển thương mại; tham gia giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ quốc tế đối với một số sản phẩm chủ lực có thế mạnh và sức cạnh tranh cao; lấy

khách hàng làm mục tiêu của chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ, từ đó thay đổi tập quán và văn hóa sản xuất.

- Phát triển dịch vụ tư vấn thị trường, tiếp thị và phân phối cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm nhằm chào bán, xâm nhập vào các thị trường khu vực và quốc tế.

4. Đào tạo nguồn nhân lực

- Xã hội hóa công tác đào tạo nghề theo hướng đào tạo ngắn hạn, gắn với chuyển giao công nghệ về bảo quản, chế biến sản phẩm và hoạt động kinh doanh thương mại. Người học nghề được hưởng các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Khuyến khích các nhà đầu tư tiếp nhận lao động địa phương đã qua đào tạo tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh. Trường hợp lao động địa phương được tiếp nhận nhưng chưa qua đào tạo hoặc chuyên ngành đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu sử dụng thì sẽ được hỗ trợ kinh phí để đào tạo tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh theo quy định.

- Xúc tiến tạo lập thị trường nhân lực KHCN thông qua chính sách đào tạo bồi dưỡng, thu hút nhân tài, phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, trọng dụng, tôn vinh nhân tài, đặc biệt các chuyên gia đầu ngành về công tác tại địa phương.

5. Đổi mới và nâng cao hoạt động quản lý

- Phát triển mạnh các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp;

- Phát triển hợp tác công tư (PPP): Nhà nước và tư nhân cùng tham gia đầu tư phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, trên cơ sở tích tụ nguồn vốn, công nghệ, cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Tăng cường cải cách hành chính, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước đảm bảo hoạt động hiệu quả, đơn giản hoá, thực hiện nhanh các thủ tục hành chính.

6. Cơ chế chính sách: Ngoài các chính sách của Chính phủ và của tỉnh đã ban hành, tiếp tục rà soát, bổ sung thêm các chính sách hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư dự án vào lĩnh vực bảo quản, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu theo Đề án như sau:

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện hành của Trung ương và của tỉnh.

- Trên cơ sở nội dung Đề án phê duyệt, tiến hành rà soát, xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và theo đúng tinh thần Nghị quyết của HĐND tỉnh để khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế (trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) đầu tư dự án vào lĩnh vực bảo quản, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu theo nội dung của Đề án, đảm bảo hiệu quả thiết thực.

7. Về huy động vốn và cơ cấu nguồn vốn

a) Tăng cường xã hội hoá đầu tư, xây dựng các chính sách thu hút các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và huy động vốn đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Có chính sách đảm bảo lợi ích chính đáng, hợp pháp của các cá nhân, tập thể tham gia đầu tư phát triển bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

b) Tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành TW để thu hút các nguồn vốn ODA; vốn ngân sách TW; lồng ghép từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án có liên quan để đầu tư hạ tầng cho các vùng, cơ sở sản xuất; đảm bảo hiệu quả và ổn định ngân sách trong thời kỳ phát triển.

c) Tăng tỷ lệ đầu tư từ ngân sách tỉnh bố trí hàng năm, nguồn từ các Quỹ, nguồn sự nghiệp ngành Nông nghiệp và PTNT, sự nghiệp Khoa học và Công nghệ, sự nghiệp ngành Công thương để thực hiện Đề án.

d) Cơ cấu nguồn vốn:

* Tổng nhu cầu vốn đến 2020:	5.904.100 triệu đồng;
- Nguồn vốn từ ngân sách TW:	158.500 triệu đồng (2,7%);
- Nguồn vốn từ NSDP:	945.600 triệu đồng (16%);
Trong đó:	
+ Lồng ghép các chương trình, dự án:	738.900 triệu đồng;
+ Ngân sách tỉnh:	144.690 triệu đồng;
+ Ngân sách huyện, xã:	62.010 triệu đồng;
- Nguồn nhà đầu tư và nguồn khác:	4.800.000 triệu đồng (81,3%);
* Năm 2014:	735.500 triệu đồng;
- Nguồn vốn từ ngân sách TW:	11.000 triệu đồng (1,5%);
- Nguồn vốn từ NSDP:	124.500 triệu đồng (17%);
Trong đó:	
+ Lồng ghép các chương trình, dự án:	94.500 triệu đồng;
+ Ngân sách tỉnh:	21.000 triệu đồng;
+ Ngân sách huyện, xã:	9.000 triệu đồng;
- Nguồn nhà đầu tư và nguồn khác:	600.000 triệu đồng (81,5%).
* Năm 2015:	971.000 triệu đồng;
- Nguồn vốn từ ngân sách TW:	25.000 triệu đồng (2,6%);
- Nguồn vốn từ NSDP:	146.000 triệu đồng (15%);
Trong đó:	
+ Lồng ghép các chương trình, dự án:	114.000 triệu đồng;
+ Ngân sách tỉnh:	22.400 triệu đồng;
+ Ngân sách huyện, xã:	9.600 triệu đồng;
- Nguồn nhà đầu tư và nguồn khác:	800.000 triệu đồng (82,4%).
* Giai đoạn 2016-2020:	4.197.600 triệu đồng;
- Nguồn vốn từ ngân sách TW:	122.500 triệu đồng (2,9%);
- Nguồn vốn từ NSDP:	675.100 triệu đồng (16%);
Trong đó:	
+ Lồng ghép các chương trình, dự án:	530.400 triệu đồng;

+ Ngân sách tỉnh:	101.290 triệu đồng;
+ Ngân sách huyện, xã:	43.410 triệu đồng;
- Nguồn nhà đầu tư và nguồn khác:	3.400.000 triệu đồng (81,1%).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện Đề án; kiểm tra, tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai thực hiện theo định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh; triển khai các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ theo nội dung Đề án.

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát, tham mưu các chính sách cụ thể về ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ trong bảo quản, chế biến sản phẩm phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Tổ chức các hội thảo giới thiệu thiết bị, công nghệ mới trong lĩnh vực bảo quản, chế biến sản phẩm phù hợp với điều kiện của địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ kinh phí đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm chế biến sau thu hoạch.

2. Các sở, ngành liên quan:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ KHCN trong bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp chủ yếu sau thu hoạch; có kế hoạch lồng ghép các chương trình, dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả.

+ Tiến hành tái cơ cấu kinh tế, từng bước chuyển đổi hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao nhằm phát huy giá trị, lợi thế cạnh tranh của sản phẩm và điều kiện tự nhiên của vùng.

+ Chỉ đạo hình thành các vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp theo hướng chuyên canh, tập trung vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo vùng nguyên liệu ổn định, hình thành các nhà máy bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch.

+ Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng quy hoạch hệ thống kho bảo quản, các cụm công nghiệp chế biến gắn liền với vùng nguyên liệu và xây dựng các mô hình, dự án ưu tiên triển khai thực hiện trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Sở Công thương

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ KHCN trong lĩnh vực công thương, bố trí lồng ghép kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án có hiệu quả. Tổ chức hội chợ công nghệ giới thiệu thiết bị, công nghệ, đẩy mạnh hoạt động kết nối cung cầu thiết bị, công nghệ giữa các đối tác.

+ Chủ trì lồng ghép nguồn vốn từ quỹ khuyến công khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây dựng các mô hình ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh, chú trọng đến các sản phẩm có thế mạnh của tỉnh.

+ Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ đưa các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn vào siêu thị và tiến tới xuất khẩu, mở rộng thị trường.

- Sở Tài chính

+ Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích phát triển bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và theo đúng tinh thần Nghị quyết của HĐND tỉnh, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trong tháng 12/2013.

+ Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách, các nguồn vốn khác để thực hiện có hiệu quả Đề án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan xây dựng chính sách nêu trên; đồng thời tham mưu UBND tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện Đề án.

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ KHCN ứng dụng, đổi mới và chuyển giao các công nghệ mới trong sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng; nghiên cứu xây dựng các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng ứng dụng các công nghệ mới thay thế công nghệ sản xuất gạch nung truyền thống.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương liên quan tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, bảo vệ môi trường trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm trên địa bàn tỉnh, nhất là các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; hướng dẫn các trình tự, thủ tục về đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng trong hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án đầu tư bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh; đánh giá trữ lượng các nguồn tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn để tham mưu các chính sách khai thác, chế biến phù hợp, đạt hiệu quả cao.

- Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã lồng ghép nguồn kinh phí thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án; gắn các nội dung Đề án vào quá trình chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương và UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo có hiệu quả.

3. Các ngân hàng

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tĩnh chỉ đạo, hướng dẫn các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân theo quy định hiện hành.

- Các Ngân hàng: Chính sách xã hội, Phát triển, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Hà Tĩnh và các ngân hàng thương mại, ngân hàng thương mại cổ phần tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận với các nguồn vốn vay để tổ chức sản xuất, phát triển mạng lưới bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh có hiệu quả, bền vững.

4. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

- Trên cơ sở mục tiêu, các nhiệm vụ của Đề án, điều kiện thực tế của từng địa phương, UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động xây dựng phương án, đề án, dự án, kế hoạch để triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án trên địa bàn.


- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành và quản lý, tổ chức thực hiện có hiệu quả tại địa phương; cân đối ngân sách địa phương, bố trí nguồn vốn thoả đáng để phát triển bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn theo Đề án được duyệt; xây dựng các dự án cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trong Đề án.

- Tiếp tục thực hiện dồn điền đổi thửa, chuyển đổi, tích tụ ruộng đất để tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh, cung ứng vùng nguyên liệu ổn định cho mạng lưới bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
 - VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - Các Ban HĐND tỉnh;
 - UBND TTQ, các đoàn thể cấp tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
 - TT: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
 - Các PVP UBND tỉnh;
 - Trung tâm CB-TH tỉnh;
 - Các tổ CV - VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NL
- Gửi Bản giấy và điện tử. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn